TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – BẮC NINH** **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 20-8-2025
V/v tranh chấp ly hôn, con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2- BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tuyết
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thân Văn Nhàn
Ông Lương Thanh Văn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Đức Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 20/8/2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/7/2025, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: chị Nguyễn Thị T – sinh năm 1990 (vắng mặt)
Bị đơn: anh Nguyễn Quang H – sinh năm 1985 (vắng mặt – có đơn xin vắng)
Đều địa chỉ: tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị và anh Nguyễn Quang H đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 28/02/2011 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là UBND phường T, tỉnh Bắc Ninh) trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, chị về nhà anh H làm dâu ngay, sống chung cùng gia đình chồng. Cuộc sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc đến năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi cọ, xô xát nhau. Mâu thuẫn xảy ra, anh H có đánh đập chửi bới, xúc phạm chị. Chị đã cho anh H nhiều cơ hội để sữa chữa nhưng anh H không thay đổi. Vợ chồng đã nhiều lần cùng tìm hướng giải quyết nhưng không có kết quả. Hai bên gia đình hòa giải cho

vợ chồng đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành. Chính quyền địa phương không hòa giải gì. Hiện nay chị và anh H vẫn chung sống cùng nhau tuy nhiên thường xuyên xích mích cãi cọ nhau. Lý do chị vẫn ở cùng anh H là vì con cái, nhưng cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin ly hôn anh H.

Về con chung: chị và anh H có hai con chung là Nguyễn Hoàng H1, sinh ngày 06/12/2011 và Nguyễn Hoàng Thùy D, sinh ngày 18/02/2014. Hiện cả hai con chung đang ở cùng vợ chồng. Ly hôn, chị đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung của vợ chồng, không yêu cầu anh H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp, chị không được trực tiếp nuôi cả hai con chung, đề nghị Tòa án giao cho chị trực tiếp nuôi dưỡng cháu D; giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu H1. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hiện nay nghề nghiệp của chị là giáo viên mầm non, thu nhập bình quân 11.500.000 đồng/ 1 tháng. Ngoài ra, chị không có nghề phụ gì khác. Chị xác định bản thân đủ điều kiện nuôi dưỡng các con.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung, ruộng đất: chị xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quang H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Trước khi đăng ký kết hôn anh và chị T được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn, anh đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V (nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh), ngày tháng đăng ký không nhớ chỉ nhớ năm 2011. Có được tổ chức cưới theo phong tục tập quán, ngày 13/3/2011 (dương lịch), tức ngày 09/02 âm lịch. Sau khi cưới thì chị T có về nhà anh làm dâu ngay và ở chung với gia đình anh, không có thời gian nào ở riêng. Trong cuộc sống vợ chồng đôi khi có xẩy ra mâu thuẫn nhỏ. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tuy nhiên vợ chồng vẫn chung sống hạnh phúc, mâu thuẫn căng thẳng nhất chỉ là từ tháng 4/2025 đến tháng 6/2025. Đến nay vợ chồng vẫn nói chuyện bình thường, vẫn ăn chung, ở chung, cuộc sống gia đình vẫn diễn ra bình thường, chị T và các con anh vẫn ở cùng anh tại nhà anh.

Khi phát sinh mâu thuẫn có được hai bên gia đình và vợ chồng tự hòa giải để đoàn tụ nhưng chị T vẫn nhất quyết ly hôn. Vợ chồng không sống ly thân. Đến nay anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Hoàng H1 sinh ngày 06/12/2011 và Nguyễn Hoàng Thùy D sinh ngày 18/02/2014. Hiện nay hai con đang ở cùng vợ chồng. Trường hợp toà án giải quyết ly hôn, đề nghị Tòa án giao cả hai con cho anh nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Anh xác định có đủ điều kiện nuôi con, do anh có nhà ở ổn định, có công việc ổn định (lái xe tự do), thu nhập một tháng khoảng 12.000.000 đồng. Chị T không đủ điều kiện nuôi con, do không có nhà đất ở, công việc của chị T là giáo viên mầm non, thu nhập anh không nắm được.

Về tài sản chung, công nợ chung: anh và chị T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Xác minh tại địa phương: Ban lãnh đạo tổ dân phố 3 cung cấp: chị T và anh H là công dân sinh sống tại tổ dân phố C, phường T. Anh H, chị T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi lễ truyền thống, có đăng ký kết hôn với nhau. Sau khi cưới chị T về nhà anh H làm dâu ngay và sống chung cùng gia đình anh H, cuộc sống vợ chồng theo dư luận phản ánh là có mâu thuẫn, cãi cọ nhau, không có tiếng nói chung, mẫu thuẫn xẩy ra thường xuyên, chị T đã từng nộp đơn ly hôn nhưng vợ chồng cho nhau cơ hội nên đã đoàn tụ. Nay chị T tiếp tục xin ly hôn anh H, theo địa phương thì khả năng đoàn tụ của vợ chồng là khó. Đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật. Vợ chồng có hai con chung, hiện vẫn đang ở cùng vợ chồng. Anh H và chị T đều có điều kiện để nuôi con, anh H làm lái xe cho chị gái, chị T là giáo viên mầm non.

Xác minh tại gia đình, bà Nguyễn Thị V – mẹ đẻ anh Nguyễn Quang H cung cấp: hiện bà đang sinh sống cùng chị T và anh H, trong quá trình sinh sống anh H, chị T không cãi cọ, đánh chửi gì nhau. Tuy nhiên chị T có bỏ về nhà mẹ đẻ ở khoảng 01 tháng, sau vợ chồng lại về đoàn tụ cùng nhau. Bà không rõ nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là gì, nhưng chị T đã gửi đơn ly hôn đến Toà án nhiều lần, nay chị T xin ly hôn anh H, đề nghị Toà án xem xét nguyện vọng của chị T và theo quy định của pháp luật. Về con chung đề nghị tôn trọng nguyện vọng của các con chị T, anh H để giao con cho phù hợp.

Tại phiên toà hôm nay, vắng mặt nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật. Việc gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định.

Về ý kiến giải quyết vụ án:

Đề nghị HĐXX Áp dụng các Điều 56; 57; 58; 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 238 BLTTDS.

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Về quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Quang H.

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng Thùy D sinh ngày 18/02/2014, giao cho anh Nguyễn Quang H

được nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Hoàng H1 sinh ngày 18/02/2014. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra giải quyết. Chị T, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T, anh H thực hiện quyền này.

Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn là anh Nguyễn Quang H, địa chỉ: tổ dân phố C, phường T, tỉnh Bắc Ninh. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh.

[2] Về việc vắng mặt anh H: Tại phiên toà chị T, anh H vắng mặt nhưng chị T và anh H đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện ngày 28/02/2011, có đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang (nay là phường T, tỉnh Bắc Ninh). Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống với nhau ngay, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, vợ chồng không sống ly thân. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh H. Anh H xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt, anh xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cả chị T và anh H đều xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã hòa giải nhưng chị T vẫn kiên quyết xin ly hôn, xét thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, việc chị T xin ly hôn anh H là có căn cứ cần chấp nhận.

[4] Về con chung: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quang H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng H1 sinh ngày 06/12/2011 và cháu Nguyễn Hoàng Thùy D sinh ngày 18/01/2014. Hiện nay cả cháu H1 và cháu D đều đang ở cùng chị T và anh H, đời sống đảm bảo, phát triển bình thường. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cháu H1 có lời khai trình bày nguyện vọng muốn ở cả với anh H, chị T, không mong muốn bố mẹ ly hôn, cháu D có lời khai trình bày nguyện vọng muốn ở với chị T sau khi chị T, anh H ly hôn. Chị T và anh H đều có nguyện vọng được nuôi cả hai con sau khi ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy cả chị T và anh H đều có

nguyện vọng nuôi con và đều có điều kiện để nuôi con. Hiện cháu D là con gái và còn nhỏ nên cần sự chăm sóc của chị T nhiều hơn, do vậy cần giao cháu D cho chị T được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, cháu H1 là con trai và đã đến tuổi dậy thì cần sự chỉ dạy của người bố nhiều hơn nên cần giao cháu H1 cho anh H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Do chị T và anh H mỗi người nuôi một con chung nên không buộc chị T và anh H phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

[5] Về tài sản chung, công nợ, ruộng đất: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Quang H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, cần áp dụng các Điều 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm a, b khoản 1 Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/NQ – UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

Quan hệ hôn nhân: cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Quang H

Con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Thùy D sinh ngày 18/02/2014 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Hoàng H1 sinh ngày 06/12/2011 cho anh Nguyễn Quang H trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Chị T, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Chị T, anh H có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị T, anh H thực hiện quyền này.

Án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai 0002970 ngày 21/7/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh. Chị T đã nộp đủ án phí DSST.

Báo cho đương sự vắng mặt biết quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- THADS tỉnh Bắc Ninh;
- UBND phường Tự Lạn (ĐKKH số 18 ngày 28/02/2011 của UBND xã Việt Tiến cũ).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Đỗ Thị Tuyết